

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày 17 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hiền

Bà Nguyễn Thị Nhiều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2025/TLST-HS ngày 02/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HS ngày 12/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/HSST-QĐ ngày 23/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/HSST-QĐ ngày 30/6/2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 10/7/2025 đối với:

* **Bị cáo Ngô Thị C**, sinh ngày 02/9/1989, tại tỉnh Hưng Yên (trước đây là tỉnh Thái Bình); Nơi cư trú: Thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình); Số định danh cá nhân: 034189004683; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị N; Có chồng: Trần Vũ L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh ngày 07/01/2023;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt).

* *Bị hại*: Công ty TNHH T3.

Địa chỉ: Lô A, khu C, thuộc địa phận thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân G**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình) (Có mặt).

* *Người làm chứng*:

1. Chị **Trịnh Thị D**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình);

2. Anh **Nguyễn Đình C1**, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn N, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

3. Anh **Nguyễn Quang N1**, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình);

4. Anh **Trần Đức H**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình);

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

5. Anh **Vũ Anh T**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn K, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình);

6. Anh **Lưu Quang H1**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ C, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

7. Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

8. Anh **Vũ Hữu P1**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình);

9. Anh **Nguyễn Trung T1**, sinh năm 2003

Nơi cư trú: Thôn N, phường V, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình);

10. Anh **Tạ Quang T2**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Số E, ngõ D đường T, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là số 5/5b, ngõ D đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

11. Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn M, xã K, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn M, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình);

12. Anh **Trần Vũ L**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

13. Anh **Nguyễn Quang V1**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ D, tổ I, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là số nhà A, ngõ D, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

14. Anh **Đỗ Văn S**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình);

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình);

15. Anh **Trương Mạnh H2**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, xã K, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình)

16. Anh **Nguyễn Huy H3**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Tổ D, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

17. Anh **Bùi Xuân N2**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình);

18. Anh **Phạm Trương H4**, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

(Có mặt anh T1, anh N2; Những người làm chứng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 (viết tắt là Công ty T3) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 1001255651, đăng ký lần đầu ngày 03/11/2022, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2023, giám đốc là ông Nguyễn Xuân G. Công ty T3 hoạt động, kinh doanh trong lĩnh vực chính là bán buôn tổng hợp, ngoài ra công ty còn đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực vận tải hàng hoá, quảng cáo, nhiếp ảnh. Ngày 16/02/2023, Công ty T3 ký hợp đồng chuyển phát hàng hóa theo hợp đồng nhượng quyền số BLVNF689 với Công ty TNHH B, có trụ sở đăng ký tại số B, ngõ B, đường A, xã S, thành phố Hà Nội (trước đây là: xã A, huyện H, thành phố Hà Nội) (viết tắt là Công ty B). Để ký hợp đồng nhượng quyền, Công ty T3 phải đặt cọc một khoản tiền, gọi là “ví đặt cọc”. Công ty T3 nhận hàng từ Công ty B về Thái Bình (cũ) để phát cho các nhân viên giao hàng chuyển phát cho khách hàng trên địa bàn huyện V và thành phố T (trước sáp nhập), sau đó các nhân viên giao hàng chuyển tiền thu hộ và tiền công giao hàng (gọi là tiền COD) về Công ty T3 bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản số 158815881588 tại

ngân hàng N3 (M) của Công ty T3, sau đó Công ty T3 chuyển số tiền trên đến Công ty B. Sau khi nhận được tiền COD, Công ty B chuyển lại khoản tiền thù lao cho Công ty T3 để vận hành hoạt động của công ty và trả lương nhân viên gọi là “ví vận hành”. Ngoài ra, Công ty T3 nhận hàng của một số khách hàng, shop khác trên địa bàn huyện V (cũ) để chuyển phát đi, số tiền phí mà Công ty T3 được hưởng sẽ giữ lại tại tài khoản ngân hàng cá nhân của ông G, ông G có trách nhiệm trả về tài khoản ngân hàng của Công ty T3 để vận hành công ty gọi là “ví S1”.

Công ty T3 thuê các nhân viên kế toán, nhân viên giao hàng (gọi là shipper) nhưng không ký hợp đồng lao động bằng văn bản. Tháng 5/2023, ông G thuê Ngô Thị C làm nhân viên kế toán, có nhiệm vụ kiểm soát hàng hóa, lập bảng thu chi hàng tháng, nộp thuế, thu tiền COD của nhân viên giao hàng và nộp tiền COD đến Công ty B. Theo quy định vào mỗi sáng C sẽ thu đủ số tiền của nhân viên giao hàng tại Công ty bằng hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt sau đó lập bảng thống kê và chuyển tiền COD đã thu của nhân viên giao hàng vào tài khoản số 158815881588 tại ngân hàng M của Công ty T3 và chuyển đủ số tiền COD vào tài khoản số 19034458624030 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 (T4) của Công ty B vào trước 12 giờ các ngày. Ngoài ra, mỗi tháng Chi có nhiệm vụ tổng hợp bảng lương, số tiền cần phải trả cho nhân viên trong tháng, chụp gửi hình ảnh thông báo cho ông G qua Zalo, sau đó ông G sẽ chuyển tiền lương vào tài khoản của Công ty T3 để C rút, trực tiếp trả lương cho nhân viên vào các ngày từ mùng 10 đến ngày 15 dương lịch của tháng tiếp theo, giữa C và các nhân viên công ty tự thống nhất với nhau việc trả lương bằng hình thức nhân viên tự trừ tiền COD hoặc trả tiền mặt, không trả lương tập trung, không có biên bản ký nhận lương hằng tháng.

Khoảng tháng 12/2023, do nợ tiền cá nhân nhiều nên Chi dùng số tiền COD của Công ty T3 để sử dụng vào việc trả nợ, dẫn đến việc chậm nộp tiền COD cho Công ty B. Sau khi C nộp chậm tiền COD, phía Công ty B đã gửi thông báo về Gmail của Công ty T3 để đôn đốc nộp tiền đúng hạn. Khi thấy công ty có biểu hiện nộp chậm tiền COD, ông G đã liên hệ nhắc nhở Chi nhiều lần. Đến

ngày 17/12/2023, C nói với ông G giao lại Công ty T3 cho C điều hành, quản lý, hàng tháng C sẽ chuyển cho ông G số tiền lợi nhuận và số tiền ông G đã bỏ ra để thành lập Công ty, ông G đồng ý. Chiều ngày 18/12/2023, C bảo ông G chuyển số tiền 220.000.000 đồng nộp COD lên Công ty B sau đó sẽ chốt cụ thể khi bàn giao, ông G đã chuyển 220.000.000 đồng vào tài khoản số 19034458624030 Ngân hàng T4 của Công ty B để nộp hết số tiền COD còn chậm. Khoảng chiều tối ngày 19/12/2023, C gửi biên bản làm việc về việc thỏa thuận qua Zalo, ông G in biên bản ra ký, đóng dấu và đưa cho C, C có ký hay không thì ông không biết (C và ông G không cung cấp được biên bản đóng dấu). Nội dung của biên bản làm việc: *“từ ngày 19/12/2023 ông Nguyễn Xuân G sẽ bàn giao vận hành bưu cục chuyển phát Fs Vũ Hội cho bà Ngô Thị C. Tất cả những vấn đề liên quan đến chi phí vận hành, lương thưởng, thưởng vận hành, phạt sẽ do bà Ngô Thị C chịu trách nhiệm. Tiền hàng phát và tiền sale chuyển khoản vào tài khoản ông G để vận hành bưu cục. Hàng tháng bà Ngô Thị C sẽ phải trả số tiền thuê xe, kết nối xe (nếu có) và tiền thuê kho với tổng số tiền 83.000.000 đồng. Tiền hỗ trợ bưu cục hàng tháng bà Ngô Thị C có trách nhiệm trả lại ông Nguyễn Xuân G theo số tiền công ty hỗ trợ cho bưu cục. Đến hết ngày 18/12/2023 số dư ví vận hành là 206.709.492 đồng, số tiền này bà Ngô Thị C sẽ tiến hành rút ví và trả cho ông Nguyễn Xuân G”*. Sau khi thỏa thuận, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty T3 vẫn được giữ nguyên (giữa C và ông G chưa thực hiện các thủ tục thay đổi chủ sở hữu công ty hay chuyển nhượng công ty theo quy định của pháp luật), C tiếp tục thực hiện các công việc như trước, nhận tiền COD của nhân viên giao hàng, sử dụng tài khoản của Công ty T3 để chuyển tiền COD lên Công ty B. Tuy nhiên, từ ngày 19/12/2023 đến ngày 25/12/2023, C nộp tiền COD chậm, nộp không đầy đủ và không nộp về Công ty B nên Công ty B đã gửi thông báo đến Công ty T3 và người đại diện pháp luật của công ty là ông Nguyễn Xuân G - Giám đốc, cụ thể:

- Ngày 19/12/2023, số tiền COD mà Công ty T3 phải nộp về Công ty B là 273.467.402 đồng, C đã thu số tiền trên của các nhân viên giao hàng trong Công ty nhưng C chỉ nộp về Công ty B số tiền: 70.000.000 đồng, không nộp: 203.467.402 đồng.

- Ngày 22/12/2023, số tiền COD mà Công ty T3 phải nộp về Công ty B là 271.420.849 đồng nhưng C chỉ nộp 114.000.000 đồng, không nộp: 157.420.849 đồng.

- Ngày 23/12/2023, số tiền COD mà Công ty T3 phải nộp về Công ty B là 214.029.595 đồng nhưng C đã nộp 300.000.000 đồng và dư lại 85.970.405 đồng để trừ vào những lần C đã nộp thiếu của những lần trước.

- Ngày 24/12/2023 số tiền COD mà Công ty T3 phải nộp về Công ty B là 86.233.420 đồng, C đã nộp 150.000.000 đồng và dư lại số tiền 63.766.580 đồng để trừ vào những lần C đã nộp thiếu của những lần trước.

- Ngày 25/12/2023, số tiền COD mà Công ty T3 phải nộp về Công ty B là 9.608.706 đồng nhưng C không nộp về Công ty B.

Tổng số tiền COD Chi không nộp về Công ty B từ ngày 19/12/2023 đến ngày 25/12/2023 là 220.759.972 đồng. Ngoài ra, trước khi ký biên bản làm việc bàn giao với C, ông G chuyển cho C số tiền 43.000.000 đồng với mục đích để C nộp thuế cho Công ty T3 42.457.409 đồng tại Chi cục thuế khu vực thành phố T - V, nhưng từ ngày 19/12/2023 đến ngày 25/12/2023, C không nộp thuế mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền C đã chiếm đoạt tiền COD và tiền thuế của Công ty T3 là 263.217.381 đồng, C đã dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 05/7/2024, Công ty B và Công ty T3 thanh lý hợp đồng và tất toán các khoản tiền giữa các bên, trong đó số tiền nợ COD là 220.759.972 đồng, Công ty T3 đã thanh toán hết cho Công ty B.

Cáo trạng số 61/CT-VKSVT ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) truy tố **Ngô Thị C** về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng đều phù hợp với lời khai của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Hưng Yên giữ nguyên truy tố đối với Ngô Thị C và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị C phạm

tội: “Tham ô tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thị C từ 08 đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Phạt tiền bị cáo Ngô Thị C từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty T3 295.328.494 đồng, gồm 220.759.972 đồng tiền COD Chi chiếm đoạt (công ty B đã trừ vào tiền đặt cọc, ví vận hành của Công ty T3); 43.000.000 đồng ông G chuyển cho C nộp thuế, 1.568.522 đồng tiền phạt chậm nộp thuế và 30.000.000 đồng mà Công ty B phạt Công ty T3 có liên quan đến hành vi chiếm đoạt tiền COD của C. C đã bồi thường cho Công ty T3 170.000.000 đồng, C còn phải bồi thường cho Công ty T3 125.328.494 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) đã truy tố, nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài

liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận Đơn tố cáo của ông Nguyễn Xuân G; biên bản làm việc giữa Ngô Thị C và ông Nguyễn Xuân G; biên bản làm việc về kiểm tra và xem xét điện thoại của ông Nguyễn Xuân G; biên bản làm việc về việc xác minh việc nộp tiền COD của Công ty T3; giấy xác nhận tiền COD FS Vũ Hội từ ngày 19/12/2023 đến ngày 25/12/2023; các sổ phụ và sao kê giao dịch tại ngân hàng; biên bản ghi lời khai của bị hại, biên bản ghi lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 19/12/2023 đến ngày 25/12/2023, Ngô Thị C là nhân viên kế toán của Công ty T3, lợi dụng vị trí kế toán, với quyền được công ty T3 giao là thu tiền thu hộ, tiền công giao hàng (tiền COD) từ các nhân viên giao hàng để tổng hợp, nộp về Công ty B, C đã có hành vi chiếm đoạt số tiền COD mà C có trách nhiệm quản lý, nộp về Công ty B là 220.759.972 đồng và chiếm đoạt số tiền 42.457.409 đồng tiền thuế của Công ty T3 để nộp tại Chi cục thuế khu vực thành phố T - V. Tổng số tiền C chiếm đoạt của Công ty T3 là 263.217.381 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tham ô tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Điều 353. Tội tham ô tài sản

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a, Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

b, Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

c, Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp bị suy yếu, gây thiệt hại về tài sản của doanh nghiệp. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc để cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Ngô Thị C có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 170.000.000 đồng.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Ngô Thị C là người có trình độ văn hoá 12/12, có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kế toán, được tin tưởng giao nhiệm vụ kế toán cho doanh nghiệp, nhưng đã không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, chiếm đoạt tài sản mình có trách nhiệm quản lý, gây dư luận xấu trong

xã hội và ảnh hưởng xấu tới hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền trong phạm vi đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt gồm 220.759.972 đồng tiền COD; 43.000.000 đồng tiền nộp thuế và bồi thường các khoản tiền phạt do chậm nộp các khoản tiền trên, gồm 30.000.000 đồng mà Công ty B phạt Công ty T3 có liên quan đến hành vi chiếm đoạt tiền COD của C và 1.568.522 đồng tiền phạt chậm nộp thuế. Tổng số tiền Công ty T3 yêu cầu Ngô Thị C phải bồi thường là: 295.328.494 đồng. Tại phiên toà bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên. Ngô Thị C đã bồi thường cho Công ty T3 170.000.000 đồng, vì vậy Ngô Thị C còn phải tiếp tục bồi thường cho Công ty T3 là 125.328.494 đồng.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị C phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngô Thị C 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Phạt tiền bị cáo Ngô Thị C 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ngô Thị C phải bồi thường cho bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 do ông Nguyễn Xuân G là người đại diện theo pháp luật, số tiền 295.328.494 đồng (*Hai trăm chín mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*), bị cáo đã bồi thường 170.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường cho Công ty T3 là 125.328.494 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại cho đến khi thi hành án xong, bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Ngô Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.266.424 đồng, làm tròn là 6.266.500 đồng (*Sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Ngô Thị C và đại diện hợp pháp của bị hại - Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/7/2025)./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS
Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Lưu HCTP./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Thanh Bình**

